

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Ứng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Từ Kim T, sinh năm 1966; địa chỉ Số D, Quốc lộ A, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Minh N, sinh năm 1999; địa chỉ ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 12 năm 2023 - Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Quang Thanh P, sinh năm 1994; địa chỉ ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2024 của nguyên đơn ông Từ Kim T và trong quá trình xét xử, anh Trần Minh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Từ Kim T và anh Lê Quang Thanh P có mối quan hệ họ hàng (ông T là em bà con cô cậu với cha anh P). Trong tháng 6/2023, ông T cho anh P vay 02 lần tổng cộng số tiền 134.000.000 đồng, loại vay có kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận

ngoài biên nhận là 20%/năm; phương thức thực hiện giao nhận tiền vay bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 060134300089 đứng tên ông T mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh B - phòng G1 vào tài khoản số 33900390039 đứng tên anh P mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V - chi nhánh S1 - phòng G2; sau khi nhận được tiền vay, anh P lập “Biên bản xác nhận”, “Giấy mượn tiền” hình thức đánh máy, có chữ ký tên, ghi họ tên, dấu lấn tay điểm chỉ của anh P xác nhận nợ; do hai bên cư trú cách xa nhau, nên anh P chụp ảnh các văn bản nêu trên gửi cho ông T nhận qua mạng xã hội zalo, còn bản chính anh Phong lưu G. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 06/6/2023, ông T chuyển khoản cho anh P vay số tiền 34.000.000 đồng, mục đích vay để đăng bộ tài sản ở huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay từ ngày 06/6/2023 đến ngày 13/6/2023, theo bản sao kê chứng từ giao dịch trên tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần S và của Ngân hàng thương mại cổ phần V cùng thực hiện ngày 06/6/2023, “Biên bản xác nhận” ngày 06/6/2023.

- Lần 2: Ngày 08/6/2023, ông T chuyển khoản cho anh P vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng cá nhân, thời hạn vay từ ngày 08/6/2023 đến ngày 09/6/2023, theo bản sao kê chứng từ giao dịch trên tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần S và của Ngân hàng thương mại cổ phần V cùng thực hiện ngày 08/6/2023, “Giấy mượn tiền” ngày 08/6/2023.

Đến hạn trả nợ, anh P không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi tiền vay như đã cam kết. Mặc dù, ông T đã nhiều lần tìm gặp anh P yêu cầu trả nợ, nhưng anh P liên tục xin khắc hẹn, sau đó trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong đơn khởi kiện, ông T yêu cầu anh P phải trả cho ông T nợ vay tính đến ngày 09/3/2024 số tiền 154.019.000 đồng [Trong đó: nợ gốc số tiền 134.000.000 đồng; nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính kể từ ngày 09/6/2023 đến ngày 09/3/2024 là 09 tháng theo mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận 1,66%/tháng (20%/năm) bằng số tiền 20.019.000 đồng] và tiếp tục trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính kể từ ngày 10/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tuy nhiên, trước khi Tòa án mở lại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án, ông T có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian trả lãi tính từ thời điểm ngày 13/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm và mức lãi suất áp dụng là 10%/năm. Theo đó, lãi phát sinh trên nợ gốc số tiền 134.000.000 đồng tính kể từ ngày 13/6/2023 đến ngày 24/02/2025 (xét xử sơ thẩm) là 1,704 năm theo mức lãi suất 10%/năm bằng số tiền 22.833.600 đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh P nợ ông T tổng cộng số tiền 156.833.600 đồng (Trong đó: nợ gốc 134.000.000 đồng; nợ lãi 22.833.600 đồng).

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P có nghĩa vụ trả cho ông T nợ vay số tiền 156.833.600 đồng. Không yêu cầu anh P trả lãi tính trên nợ gốc số tiền 100.000.000 đồng đến hạn chưa trả phát sinh trước ngày 09/6/2023, trả lãi tính trên nợ gốc số tiền 34.000.000 đồng đến hạn chưa trả phát sinh trước

ngày 12/6/2023, trả lãi chậm trả lãi phát sinh trong thời gian vi phạm nghĩa vụ trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh Lê Quang Thanh P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại tài liệu “Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn” sao kê tài khoản đối với khách hàng ông Từ Kim T do Ngân hàng thương mại cổ phần S cung cấp đề ngày 21 tháng 12 năm 2023 và “Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ, báo có” sao kê tài khoản đối với khách hàng anh Lê Quang Thanh P do Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp đề ngày 26 tháng 7 năm 2024, thể hiện:

- Ngày 06/6/2023, ông T chuyển khoản số tiền 34.000.000 đồng từ tài khoản số 060134300089 vào tài khoản số 33900390039 của anh P, nội dung giao dịch “chuyển khoản cá nhân”.

- Ngày 08/6/2023, ông T chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản số 060134300089 vào tài khoản số 33900390039 của anh P, nội dung giao dịch “cho P vay”.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh P đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng ông T, anh N đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm; riêng anh P không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của ông T, anh N, “Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn” đề ngày 21/12/2023 do Ngân hàng thương mại cổ phần S cung cấp, “Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ, báo có” đề ngày 26/7/2024 do Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong Phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc anh P phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 156.833.600 đồng. Kể từ ngày người được thi hành án ông T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 156.833.600 đồng thì người phải thi hành án anh P còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi

suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh P phải nộp án phí số tiền 7.841.680 đồng. Hoàn trả cho ông T được nhận lại số tiền 3.851.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy:

[2.1] Việc ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian trả lãi trên nợ gốc chưa trả và mức lãi suất áp dụng để tính lãi là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, có lợi cho anh P, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Ngoài tranh chấp về số tiền nợ gốc, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả như nhận định giải quyết tại mốc đơn [2] “*Về nội dung*”; ông T không yêu cầu anh P trả lãi tính trên nợ gốc số tiền 100.000.000 đồng đến hạn chưa trả phát sinh trước ngày 09/6/2023, trả lãi tính trên nợ gốc số tiền 34.000.000 đồng đến hạn chưa trả phát sinh trước ngày 12/6/2023, trả lãi chậm trả lãi phát sinh trong thời gian vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét lời trình bày của ông T, anh N là phù hợp với thông tin chứng từ thực hiện giao dịch chuyển khoản, nhận chuyển khoản, biến động số dư trên tài khoản thể hiện tại “Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn” đề ngày 21/12/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần S và “Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ, báo có” đề ngày 26/7/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần V. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh P không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết khác đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và cũng không phản đối về những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản của ngân hàng do nguyên đơn đưa ra và giao nộp, do Tòa án thu thập. Đủ cơ sở kết luận:

[1.1] Việc thỏa thuận xác lập, thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản số tiền 34.000.000 đồng vào ngày 06/6/2023 và số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 08/6/2023, loại vay có kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận ngoài biên nhận 20%/năm giữa ông T và anh P là có thật, đúng quy định tại khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 119, Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự về điều kiện có hiệu lực và hình thức của giao dịch dân sự đối với hợp đồng vay tài sản, về chuyển giao quyền sở hữu đối với tài sản vay và lãi suất.

[1.2] Thực hiện hợp đồng, anh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi đến hạn, vi phạm nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả.

[2] Xét việc ông T khởi kiện yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 156.833.600 đồng, trong đó: nợ gốc số tiền 134.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính kể từ ngày 13/6/2023 đến ngày 24/02/2025 xét xử sơ thẩm là 1,704 năm theo mức lãi suất 10%/năm bằng số tiền 22.833.600 đồng là đúng quy định tại Điều 429, điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[3] Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Kể từ ngày người được thi hành án ông T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 156.833.600 đồng thì người phải thi hành án anh P còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết:

[1] Anh P phải chịu án phí số tiền 7.841.680 đồng.

[2] Hoàn trả cho ông T được nhận lại số tiền 3.851.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 119, các điều 357, 429, 463, 464, điểm b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

- Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ Kim T.

1.1. Buộc anh Lê Quang Thanh P có nghĩa vụ cho ông Từ Kim T số tiền 156.833.600 (Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án ông Từ Kim T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 156.833.600 (Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm) đồng thì người phải thi hành án anh Lê Quang Thanh P còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

1.3. Đối với các khoản lãi khác: Không tranh chấp, yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Lê Quang Thanh P phải nộp án phí số tiền 7.841.680 (Bảy triệu tám trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm) đồng.

2.2. Hoàn trả cho ông Từ Kim T được nhận lại số tiền 3.851.000 (Ba triệu tám trăm năm mươi một nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0014608 ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Trần Minh N; vắng mặt ông Từ Kim T, anh Lê Quang Thanh P. Báo cho ông T biết có quyền kháng cáo, anh N có quyền đại diện ông T kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Báo cho anh P biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + ĐD.ND + BĐ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

Cao Minh Tân